

Số: 04 /2008/QĐ-UBND

Tuyên quang, ngày 22 tháng 4 năm 2008



QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ, sửa đổi một số quy định về phí và lệ phí tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 84/2006/QĐ-UBND ngày 20/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 3/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết pháp lệnh phí, lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 6/3/2006 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 3/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết pháp lệnh phí, lệ phí;

Căn cứ Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01/11/2007 của Thủ Tướng Chính phủ về tăng cường chấn chỉnh việc thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí, chính sách huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính, hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BTC ngày 15/01/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí đăng ký cư trú;

Căn cứ Nghị quyết số 94/2006/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVI, kỳ họp thứ 7 về việc quy định

mức thu, đối tượng thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Thực hiện Công văn số 2091/BTC-CST ngày 25/02/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc triển khai Chi thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01/11/2007 của Thủ Tướng Chính phủ về tăng cường chấn chỉnh việc thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí, chính sách huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 550/TTr - STC ngày 11/4/2008 về việc bãi bỏ, sửa đổi một số quy định về phí và lệ phí tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 84/2006/QĐ-UBND ngày 20/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ và sửa đổi một số quy định về phí và lệ phí tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 84/2006/QĐ-UBND ngày 20/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, như sau:

1. Về phí:

a) Phí an ninh, trật tự quy định tại Phụ lục số 1, phần A, mục IX; Phụ lục số 2, phần A, mục I, khoản 9:

Miễn phí an ninh, trật tự cho các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình.

b) Phí dự thi, dự tuyển quy định tại Phụ lục số 1, phần A, mục XIII, số thứ tự 1:

Bãi bỏ phí dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông (bổ túc văn hóa).

c) Phí phòng, chống thiên tai quy định tại Phụ lục số 1, phần A, mục XVI; Phụ lục số 2, phần A, mục I, khoản 16:

Miễn phí phòng, chống thiên tai cho các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình.

2. Về lệ phí:

a) Lệ phí hộ tịch quy định tại Phụ lục số 1, phần B, mục I, số thứ tự 1.1 và 1.2; Phụ lục số 2, phần A, mục II, khoản 1, tiết 1.1:

- Miễn lệ phí đăng ký khai sinh (bao gồm: Đăng ký khai sinh đúng hạn, đăng ký lại việc sinh, đăng ký khai sinh quá hạn); lệ phí đăng ký kết hôn (bao gồm: Đăng ký kết hôn, đăng ký lại việc kết hôn); lệ phí đăng ký khai tử (bao gồm: Đăng ký khai tử đúng hạn, đăng ký khai tử quá hạn, đăng ký lại việc khai tử); lệ phí đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi, bổ sung, điều chỉnh hộ tịch.

- Sửa đổi nội dung danh mục thu lệ phí quy định tại Phụ lục số 1, Phần B, mục I, số thứ tự 1.3 từ "đăng ký việc nhận con ngoài giá thú" thành lệ phí "nhận

cha, mẹ, con" và từ "Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ bản gốc" thành "Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ gốc".

b) *Lệ phí chứng minh nhân dân* quy định tại Phụ lục I, phần B, mục I, số thứ tự 2:

- Miễn thu lệ phí khi cấp mới chứng minh nhân dân, bao gồm cả trường hợp cấp chứng minh nhân dân do hết hạn sử dụng .

- Đối với lệ phí: Cấp lại, cấp đổi chứng minh nhân dân do bị mất, hư hỏng không sử dụng được, thay đổi các nội dung ghi trong chứng minh nhân dân, thay đổi nơi thường trú ngoài phạm vi cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Quyết định số 84/2006/QĐ-UBND ngày 20/12/2006 của UBND tỉnh.

c) *Lệ phí đăng ký và quản lý hộ khẩu*:

- Tại Phụ lục I, phần B, mục I, số thứ tự 3: Miễn thu lệ phí hộ khẩu đối với cấp mới sổ hộ khẩu, sổ tạm trú (Phụ lục số I ban hành kèm theo Quyết định số 84/2006/QĐ-UBND quy định là sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể, giấy đăng ký tạm trú có thời hạn cho hộ gia đình, giấy tạm trú có thời hạn cho một nhân khẩu). Miễn thu lệ phí hộ khẩu đối với thay mới sổ hộ khẩu, sổ tạm trú theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Tại Phụ lục II, phần A, mục II, khoản 1, tiết 1.2, đoạn 3 sửa đổi như sau: "Không thu lệ phí đăng ký cư trú đối với các trường hợp: Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sỹ, con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; hộ gia đình thuộc diện đói, nghèo; công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban Dân tộc".

Đối với lệ phí: Cấp đổi; cấp lại do sổ hộ khẩu, sổ tạm trú bị hư hỏng, bị mất; do chuyển cả hộ ra ngoài phạm vi cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú (kể cả ngoài và trong phạm vi cấp tỉnh) hoặc điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú thực hiện theo quy định tại Quyết định số 84/2006/QĐ-UBND ngày 20/12/2006 của UBND tỉnh.

d) *Lệ phí địa chính* quy định tại Phụ lục I, phần B, mục II:

Miễn thu lệ phí địa chính khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn (hoặc sản xuất kinh doanh nông, lâm, ngư nghiệp) trừ hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thị xã Tuyên Quang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao trách nhiệm Giám đốc các sở : Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp; Cục trưởng Cục thuế; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện quyết định này theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và của UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Các ông (Bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *sr*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Công an;
- Bộ TN & MT;
- Bộ GD &ĐT;
- Cục kiểm tra VBPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội địa phương và HĐND tỉnh
- UBMT tổ quốc và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Ban đảng Tỉnh ủy;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Như Điều 3 (Thực hiện);
- Lưu VT-VX-TH;

Báo cáo.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Lê Thị Quang